BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP KHÔNG HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC VÀ NGÀNH PHÙ HỢP CÓ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC TRƯỚC KHI DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2024

TT	Ngành dự tuyển Thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BSKT	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC Bổ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC
1	Bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	**Nhóm 1** - Khoa học cây trồng - Nông học - Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan - Khoa học đất - Quản lý đất và công nghệ phân bón - Khuyến nông - Phát triển nông thôn - Di truyền và chọn giống cây trồng - Trồng trọt - Nông nghiệp sạch - Nông nghiệp công nghệ cao - Phân bón và dinh dưỡng cây trồng - Kinh tế nông nghiệp - Lâm sinh - Lâm học - Sinh học ứng dụng **Nhóm 2** - Công nghệ sinh học - Công nghệ sinh học chương trình tiên tiến - Sinh học - Sư phạm sinh học	**- Nhóm 1: 3 TC** 1. Hóa bảo vệ thực vật, NN138, 3TC **- Nhóm 2: 9 TC** 1. Hóa bảo vệ thực vật, NN138, 3TC 2. Bệnh hại cây trồng 1, NS293, 3TC 3. Côn trùng hại cây trồng, NS301, 3TC

TT	Ngành dự tuyển Thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BSKT	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC Bổ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC
2	Bệnh học thủy sản	Bệnh học thủy sản Nuôi trồng thủy sản	**Nhóm 1** - Nông học **Nhóm 2** - Thú y - Công nghệ sinh học - Sinh học - Vi sinh vật	**Nhóm 1: 4TC** 1. Ngư nghiệp đại cương, TS103, 2TC 2. Sinh thái thủy sinh vật, TS104, 2TC **Nhóm 2: 8 TC** 1. Nguyên lý và kỹ thuật chẩn đoán bệnh thủy sản, TS326, 3TC 2. Nuôi trồng thủy sản, TS166, 2TC 3. Quản lý dịch bệnh thủy sản, TS305, 3 TC
3	Chăn nuôi	- Chăn nuôi	- Thú y - Nông học - Sư phạm sinh học - Công nghệ sinh học - Sinh học ứng dụng	1. Dinh dưỡng gia súc, NN547, 3TC
4	Chính sách công	Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Khoa học quản lý, Quản lý công	**Nhóm 1:** Quản lý nhà nước, Xã hội học, Báo chí, Quan hệ công chúng, Chính trị học, Hệ thống thông tin quản lý, Quan hệ lao động, Quản lý dự án **Nhóm 2:** Kinh tế nông nghiệp, Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế, Luật, Kinh tế chính trị, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Quản trị văn phòng, Quản trị nhân lực; Phát triển nông thôn	**Nhóm 1: 6TC** 1. Nguyên lý thống kê kinh tế, KT108, 3TC 2. Kinh tế vĩ mô 1, KT102, 3TC **Nhóm 2: 3TC** 1. Khoa học quản lý (ML360, 3TC)
5	Công nghệ thông tin	- Hệ thống thông tin - Công nghệ thông tin - An toàn thông tin - Khoa học máy tính - Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu - Kỹ thuật phần mềm - Khoa học dữ liệu	- Kỹ thuật máy tính - Công nghệ kỹ thuật máy tính - Sư phạm tin học - Toán tin - Hệ thống thông tin quản lý - Thương mại điện tử - Truyền thông đa phương tiện - Quản lý thông tin	1. Lập trình hướng đối tượng, CT176, 3TC 2. Phân tích thiết kế thuật toán, CT174, 3TC

TT	Ngành dự tuyển Thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BSKT	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC Bổ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC
6	Công nghệ sinh học	- Công nghệ sinh học - Kỹ thuật sinh học - Sinh học ứng dụng	- Sinh học - Sư phạm sinh học - Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp - Sư phạm khoa học tự nhiên - Công nghệ thực phẩm - Kỹ thuật thực phẩm - Công nghệ sau thu hoạch - Công nghệ chế biến thủy sản - Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm - Khoa học môi trường - Nông nghiệp - Khuyến nông - Khoa học đất - Chăn nuôi - Nông học - Khoa học cây trồng - Bảo vệ thực vật - Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan - Nuôi trồng thủy sản - Bệnh học thủy sản - Khoa học thủy sản - Thú y - Dược học - Hóa dược - Dinh dưỡng	1. Sinh học phân tử, CS102, 3TC
7	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ thực phẩm	- Công nghệ sau thu hoạch - Công nghệ chế biến thủy sản - Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm - Kỹ thuật thực phẩm - Sinh học - Sinh học ứng dụng - Công nghệ sinh học - Công nghệ kỹ thuật hóa học	1. Hóa học thực phẩm, NS318, 3TC

TT	Ngành dự tuyển Thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BSKT	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC Bổ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC
8	Di truyền và chọn giống cây trồng	Khoa học cây trồng	- Nông học - Nông nghiệp - Khuyến nông - Bảo vệ thực vật - Công nghệ rau hoa quả cảnh quan - Khoa học đất - Phát triển nông thôn - Kinh doanh nông nghiệp - Sinh học ứng dụng - Sinh học - Sư phạm sinh học - Công nghệ sinh học	1. Chọn giống cây trồng, NN373, 2TC 2. Công nghệ sinh học trong nông nghiệp NN375, 2TC
9	Hệ thống nông nghiệp	Nông học Trồng trọt *(ngành cũ)* Khoa học cây trồng	Khuyến nông, Chăn nuôi, Bảo vệ thực vật, Nuôi trồng thủy sản, Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp, Phát triển nông thôn, Quản lý đất đai, Công nghệ thông tin.	1. Thổ nhưỡng B, NN131, 2 TC 2. Hệ thống tưới tiêu, NN450, 2 TC 3. Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp, PD217, 3TC
10	Hệ thống nông nghiệp Chuyên ngành: Biến đổi khí hậu và nông nghiệp nhiệt đới bền vững *(Chuyên ngành thuộc Dự án ODA Nhật Bản)*	Nông học Khoa học cây trồng.	Khuyến nông, Chăn nuôi, Bảo vệ thực vật, Nuôi trồng thủy sản, Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp, Phát triển nông thôn, Quản lý đất đai, Nông nghiệp, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Sinh học ứng dụng, Công nghệ sinh học, Khoa học môi trường, Khoa học đất, Lâm sinh, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Kỹ thuật tài nguyên nước, Quản lý tài nguyên và môi trường, Trồng trọt.	1. Biến đổi khí hậu và sử dụng đất, NN539, 2TC 2. Phân tích an ninh lương thực, PD119, 3TC 3. Nông nghiệp sạch và bền vững, NN286, 2TC
11	Hệ thống thông tin	- Hệ thống thông tin - Công nghệ thông tin - An toàn thông tin - Khoa học máy tính - Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu - Kỹ thuật phần mềm - Khoa học dữ liệu	- Kỹ thuật máy tính - Công nghệ kỹ thuật máy tính - Sư phạm tin học - Toán tin - Hệ thống thông tin quản lý - Thương mại điện tử - Truyền thông đa phương tiện - Quản lý thông tin	**Định hướng nghiên cứu** 1. Lập trình hướng đối tượng, CT176, 3TC 2. Phân tích và thiết kế hệ thống, CT296, 3TC **Định hướng ứng dụng** 1. Lập trình căn bản A, CT101, 3TC 2. Phân tích và thiết kế hệ thống, CT296, 3TC

TT	Ngành dự tuyển Thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BSKT	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC Bổ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC
12	Hóa hữu cơ	Hóa học, Sư phạm hóa học, Hóa dược, Công nghệ kỹ thuật hóa học	Công nghệ thực phẩm Dược học	1. Hóa hữu cơ 2, TN249, 3 TC
13	Hóa lý thuyết và hóa lý	Hóa học, Sư phạm hóa học, Hóa dược, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật hóa học	Công nghệ thực phẩm Dược học	1. Hóa đại cương 1, TN101, 2 TC 2. Hóa đại cương 2, TN102, 3 TC
14	Khoa học cây trồng	Khoa học cây trồng	Nông học, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Công nghệ sinh học, Khoa học đất, Nông nghiệp, Khuyến nông, Phát triển nông thôn, Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp, Sinh học ứng dụng.	1. Cây lúa, NN369, 2TC 2. Cây ăn trái, NN361, 2TC
15	Khoa học đất	Khoa học đất, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Nông học, Quản lý đất đai, Khoa học môi trường	**Nhóm 1:** Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Nông nghiệp, Phát triển nông thôn, Khuyến nông **Nhóm 2:** Lâm sinh, Lâm học, Lâm học đô thị, Quản lý tài nguyên rừng, Kinh tế nông nghiệp, Kinh doanh nông nghiệp, Sinh học, Công nghệ sinh học, Sinh học ứng dụng, Sư phạm sinh học, Vi sinh vật học, Kỹ thuật tài nguyên nước, Kỹ thuật môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp, Quản lý tài nguyên và môi trường, Kỹ thuật trắc địa – Bản đồ, Sư phạm hóa học, Công nghệ kỹ thuật hóa học.	**Nhóm 1: 3 TC, 1 trong 2 HP** 1. Phì nhiêu đất, NN542, 3TC 2. Thổ nhưỡng A, NN230, 3TC **Nhóm 2: 6 TC** 1. Phì nhiêu đất, NN542, 3TC 2. Thổ nhưỡng A, NN230, 3TC
16	Khoa học máy tính	- Hệ thống thông tin - Công nghệ thông tin - An toàn thông tin - Khoa học máy tính - Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu - Kỹ thuật phần mềm - Khoa học dữ liệu	- Kỹ thuật máy tính - Công nghệ kỹ thuật máy tính - Sư phạm tin học - Toán tin - Hệ thống thông tin quản lý - Thương mại điện tử - Truyền thông đa phương tiện - Quản lý thông tin	**Định hướng nghiên cứu** 1. Lập trình hướng đối tượng, CT176, 3TC 2. Phân tích thiết kế thuật toán, CT174, 3TC **Định hướng ứng dụng** 1. Lập trình căn bản A, CT101, 3TC 2. Phân tích và thiết kế hệ thống, CT296, 3TC

TT	Ngành dự tuyển Thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BSKT	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC Bổ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC
17	Khoa học môi trường	Khoa học môi trường	Khoa học đất, Kỹ thuật môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường, Kỹ thuật tài nguyên nước, Quản lý đất đai, Sinh thái học, Công nghệ sinh học, Địa lý môi trường, Quản lý công nghiệp, Sinh học, Hóa học, Khí tượng thủy văn, Khoa học vật liệu, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Công nghệ môi trường, Hải dương học, Lâm sinh, Nông nghiệp, Đô thị học, Kỹ thuật cấp thoát nước – Môi trường nước, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên.	1. Cơ sở khoa học môi trường: MT107, 2TC 2. Hóa môi trường ứng dụng: MT150, 2TC 3. Đánh giá chất lượng đất nước, không khí: MT328, 2TC.
18	Kinh tế học	- Kinh tế - Kinh tế chính trị - Kinh tế đầu tư - Kinh tế phát triển - Kinh tế quốc tế - Thống kê kinh tế - Toán kinh tế	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Quản trị kinh doanh, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời trang và dệt may, Tài chính - ngân hàng, Kế toán, Kiểm toán, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị nhân lực, Bảo hiểm, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Kinh tế công nghiệp, Kinh tế gia đình, Kinh tế vận tải, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Thống kê, Quản lý công nghiệp, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Kinh tế xây dựng, Quản lý xây dựng, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên và môi trường, Kinh doanh nông nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý thủy sản.	1. Kinh tế công cộng: KT114, 3TC

TT	Ngành dự tuyển Thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BSKT	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC Bổ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC
19	Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Quản trị kinh doanh, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời trang và dệt may, Tài chính - ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị nhân lực, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế quốc tế, Kinh tế công nghiệp, Kinh tế đầu tư, Kinh tế gia đình, Kinh tế vận tải, Kinh tế phát triển, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Thống kê, Quản lý công nghiệp, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Kinh tế xây dựng, Quản lý xây dựng, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên và môi trường, Kinh doanh nông nghiệp, Phát triển nông thôn, Nông nghiệp, Khuyến nông, Khoa học đất, Chăn nuôi, Nông học, Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Quản lý tài nguyên rừng, Nuôi trồng thủy sản, Khai thác thủy sản, Quản lý thủy sản.	1. Kinh tế nông nghiệp, KT318, 3 TC 2. Kinh tế sản xuất, KT304, 3 TC

TT	Ngành dự tuyển Thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BSKT	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC Bổ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC
20	**Kỹ thuật cơ khí** ***(ngành mới)***	Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật cơ khí động lực, Kỹ thuật ô tô, Kỹ thuật cơ điện tử, Kỹ thuật tàu thủy, Kỹ thuật nhiệt, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật ô tô, Công nghệ chế tạo máy, Công nghệ Kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật nhiệt, Công nghệ kỹ thuật tàu thủy, Cơ khí nông nghiệp/Cơ khí, Cơ khí chế tạo máy/Cơ khí chế biến/Cơ khí giao thông.	Kỹ thuật in, Kỹ thuật công nghiệp, Kỹ thuật hệ thống công nghiệp, Cơ kỹ thuật, Bảo dưỡng công nghiệp.	1. Cơ sở thiết kế máy, CN145, 3 TC 2. Công nghệ chế tạo máy 1, CN387, 3 TC
21	Kỹ thuật điện	Kỹ thuật điện Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa Kỹ thuật cơ điện tử Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông Vật lý kỹ thuật	1. Giải tích hệ thống điện, KC330, 3TC
22	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa Kỹ thuật y sinh	Kỹ thuật cơ điện tử Kỹ thuật cơ khí Kỹ thuật ô tô Kỹ thuật điện Kỹ thuật điện tử - viễn thông Kỹ thuật máy tính Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử Công nghệ kỹ thuật cơ khí Công nghệ chế tạo máy Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử Công nghệ kỹ thuật ô tô	1. Lý thuyết điều khiển tự động, CT377, 3TC

TT	Ngành dự tuyển Thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BSKT	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC Bổ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC
23	Kỹ thuật hóa học	Công nghệ kỹ thuật hóa học Công nghệ kỹ thuật hóa học chất lượng cao Kỹ thuật hóa học Kỹ thuật vật liệu Công nghệ vật liệu	Sư phạm hóa học Hóa học Hóa dược Công nghệ thực phẩm Kỹ thuật thực phẩm Kỹ thuật vật liệu kim loại Kỹ thuật môi trường Công nghệ kỹ thuật môi trường	1. Truyền khối – CNHH: CN561, 3TC
24	Kỹ thuật môi trường	Kỹ thuật môi trường Công nghệ kỹ thuật môi trường	Kỹ thuật hóa học Kỹ thuật vật liệu Kỹ thuật vật liệu kim loại Kỹ thuật dệt Khoa học môi trường Quản lý tài nguyên và môi trường Kỹ thuật tài nguyên nước Kỹ thuật cấp thoát nước Kỹ thuật xây dựng	1. Công nghệ môi trường, MT161, 2TC 2. Vi sinh môi trường, MT421, 2TC 3. Hoá môi trường ứng dụng, MT150, 2TC
25	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông Kỹ thuật xây dựng công trình biển	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng Địa kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật tài nguyên nước Kỹ thuật cấp thoát nước Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng Công nghệ kỹ thuật xây dựng Công nghệ kỹ thuật giao thông Công nghệ kỹ thuật vậy liệu xây dựng Công nghệ kỹ thuật môi trường Kỹ thuật môi trường Kinh tế xây dựng Quản lý xây dựng Quản lý tài nguyên và môi trường	1. Thuỷ lực công trình, CN124, 2TC 2. Thủy công, CN315, 3TC
26	Luật kinh tế	Luật Luật kinh tế	Luật hiến pháp và hành chính Luật dân sự và tố tụng dân sự Luật hình sự và tố tụng hình sự Luật quốc tế	1. Luật thương mại, KL215, 3TC

TT	Ngành dự tuyển Thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BSKT	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC Bổ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC
27	**Lý luận và Phương pháp dạy học *(ngành mới)***	Các ngành trong nhóm ngành đào tạo giáo viên và khoa học giáo dục.	Toán học Toán tin Vật lý học Hóa học Sinh học Văn học Lịch sử Quản lý thể dục thể thao	1. Tâm lý học đại cương, SP009, 2TC 2. Giáo dục học, SP079, 3TC *Trường hợp có Chứng chỉ Nghiệp vụ Sư phạm, có thể xét miễn dựa trên kết quả các học phần:* *Chứng chỉ NVSP Đại học (TT12/2013)* 1. Tâm lý học đại cương, 2TC 2. Giáo dục học đại cương, 3TC
28	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn, *chuyên ngành* Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh	Cử nhân tiếng Anh Ngôn ngữ Anh	1. Lý luận dạy học ngoại ngữ, FL217, 2TC 2. Phương pháp dạy học tiếng Anh, SG196, 2TC 3. Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo, SG011, 2TC
29	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn, *chuyên ngành* Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Pháp	Sư phạm Tiếng Pháp	Cử nhân tiếng Pháp Ngôn ngữ Pháp	1. Lý luận dạy học ngoại ngữ, FL217, 2TC 2. Phương pháp dạy học tiếng Pháp, SG336, 2TC 3. Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo, SG011, 2TC

TT	Ngành dự tuyển Thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BSKT	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC Bổ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ	
			Tên ngành đại học	**Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC**
30	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn, *chuyên ngành* Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán	Sư phạm Toán học Sư phạm Toán tin	Toán học Toán ứng dụng Toán thống kê Toán tin Toán cơ Sư phạm Tin học	**Các ngành gần Toán học:** 1. Lý luận dạy học Toán và Khoa học Tự nhiên, SP419, 2TC 2. Phương pháp dạy học Toán, SP152, 2TC *Trường hợp có Chứng chỉ Nghiệp vụ Sư phạm, có thể xét miễn dựa trên kết quả các học phần:* *Chứng chỉ NVSP Trung học (TT 12/2021)* 1. Lý luận dạy học A3, 2TC 2. Phương pháp dạy học B1/C1, 2TC *Hoặc* *Chứng chỉ NVSP Đại học (TT12/2013)* 1. Lý luận dạy học đại học, 3TC 2. Kỹ năng dạy học đại học, 2TC **Đối với Sư phạm Tin học** 1. Phương pháp dạy học toán, SP152, 2TC. 2. Hình học giải tích, SP113, 2TC
31	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn, *chuyên ngành* Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn và tiếng Việt	Sư phạm Ngữ văn	**Nhóm 1** Văn học/Ngữ văn (ngành cũ) Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam Báo chí Ngôn ngữ học **Nhóm 2** Giáo dục tiểu học	**Nhóm 1** 1. Lý luận dạy học ngữ văn và khoa học xã hội, SG420, 2TC 2. Phương pháp dạy học ngữ văn, SG139, 2TC *Trường hợp có Chứng chỉ Nghiệp vụ Sư phạm, có thể xét miễn dựa trên kết quả các học phần:* *Chứng chỉ NVSP Trung học (TT 12/2021)* 1. Lý luận dạy học A3, 2TC 2. Phương pháp dạy học B1/C1, 2TC *Hoặc* *Chứng chỉ NVSP Đại học (TT12/2013)* 1. Lý luận dạy học đại học, 3TC 2. Kỹ năng dạy học đại học, 2TC **Nhóm 2** 1. Tiến trình văn học SP531, 2TC 2. Phong cách học tiếng Việt, SP533, 2TC

TT	Ngành dự tuyển Thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BSKT	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC Bổ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC
32	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	Toán ứng dụng, Thống kê, Toán tin, Sư phạm toán học, Toán học	Thống kê kinh tế Toán cơ	1. Giải tích hàm, TN191, 3TC
33	Nuôi trồng thủy sản	Nuôi trồng thủy sản Bệnh học thủy sản Quản lý thủy sản	**Nhóm 1** Nông học **Nhóm 2** Công nghệ sinh học	**Nhóm 1** 1. Ngư nghiệp đại cương, TS103, 2TC 2. Sinh thái thủy sinh vật, TS104, 2TC **Nhóm 2** 1. Dinh dưỡng và thức ăn B, TS118, 2TC 2. Dịch bệnh thủy sản, TS337, 2TC 3. Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi cá nước ngọt, TS241, 2TC 4. Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi giáp xác TS409, 2TC
34	Phát triển nông thôn	Phát triển nông thôn Kinh tế nông nghiệp	**Nhóm 1** Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Xã hội học. **Nhóm 2** Khuyến nông, Nông học, Khoa học cây trồng, Chăn nuôi, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Quản lý tài nguyên môi trường, Quản lý thủy sản.	**Nhóm 1** 1. Hệ thống canh tác, NN377, 2TC 2. Hệ sinh thái nông nghiệp, MT110, 2TC **Nhóm 2** 1. Kinh tế nông hộ, KT268, 3TC 2. Xã hội học nông thôn, XN347, 3TC
35	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	- Quản lý tài nguyên và môi trường - Khoa học đất - Kinh tế tài nguyên thiên nhiên - Kỹ thuật trắc địa bản đồ - Xây dựng - Luật hành chính - Quy hoạch vùng đô thị - Công nghệ thông tin - Hệ thống thông tin - Phát triển nông thôn - Lâm sinh - Kỹ thuật tài nguyên nước - Khoa học môi trường	1. Tài nguyên đất đại cương, MT082, 3TC 2. Trắc địa đại cương, NN175, 3TC 3. Đánh giá đất, NN508, 2TC

TT	Ngành dự tuyển Thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BSKT	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC Bổ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ	
			Tên ngành đại học	**Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC**
36	Quản lý giáo dục	Quản lý giáo dục Giáo dục học	Các ngành trong nhóm ngành đào tạo giáo viên, Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục.	1. Khoa học quản lý, ML360, 3TC *Nếu có chứng chỉ Quản lý giáo dục sẽ được miễn học bổ sung kiến thức.*
			Các nhóm ngành thuộc lĩnh vực: - Nghệ thuật - Nhân văn - Khoa học xã hội và hành vi - Báo chí và thông tin - Kinh doanh và quản lý - Pháp luật - Khoa học sự sống - Khoa học tự nhiên - Toán và thống kê - Máy tính và công nghệ thông tin - Công nghệ kỹ thuật - Kỹ thuật - Sản xuất và chế biến - Kiến trúc và xây dựng - Nông, lâm nghiệp và thuỷ sản - Thú y - Sức khoẻ - Dịch vụ xã hội - Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân - Dịch vụ vận tải - Môi trường và bảo vệ môi trường - An ninh, Quốc phòng	1. Giáo dục học, SP079, 3TC 2. Khoa học quản lý, ML360, 3TC *Nếu có chứng chỉ Quản lý giáo dục sẽ được miễn học bổ sung kiến thức.*

TT	Ngành dự tuyển Thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BSKT	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC Bổ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC
37	Quản lý kinh tế	Kinh tế học, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại, Tài chính – Ngân hàng, Bảo hiểm, Tài chính - Doanh nghiệp, - Kế toán, Kiểm toán, Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, Quản trị du dịch vụ du lịch và lữ hành, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh toàn cầu, Quản trị chuỗi cung ứng, Logistics, Thương mại điện tử, Marketing, Marketing số, Bất động sản, Kinh doanh bất động sản, Kinh tế số, Kinh doanh số, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Kinh tế sức khỏe, Kinh tế vận tải biển, Kinh tế xây dựng, Quản lý công nghiệp, Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Thống kê.	Tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ở tất cả các ngành và chuyên ngành khác và không thuộc các ngành phù hợp không bổ sung kiến thức.	1. Kinh tế học quản lý, KT284, 2TC 2. Kinh tế quốc tế, KT303, 3TC

TT	Ngành dự tuyển Thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BSKT	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC Bổ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC
38	Quản lý tài nguyên và môi trường	Quản lý tài nguyên và môi trường	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Quản lý đất đai, Khoa học môi trường, Kỹ thuật môi trường, Sinh thái học, Lâm sinh, Kỹ thuật tài nguyên nước.	1. Bản đồ học và GIS, CN122, 2 TC 2. Thống kê phép thí nghiệm môi trường: MT116, 2TC 3. Quản lý chất lượng môi trường: MT309, 2TC
39	Quản lý tài nguyên và môi trường Chuyên ngành: Biến đổi khí hậu và Quản lý đồng bằng *(Chuyên ngành thuộc Dự án ODA Nhật Bản)*	Quản lý tài nguyên và môi trường Kinh tế tài nguyên thiên nhiên Quản lý đất đai Khoa học môi trường Kỹ thuật môi trường Lâm học Lâm sinh Quản lý tài nguyên rừng Khoa học đất, chuyên ngành quản lý đất và công nghệ phân bón Kỹ thuật tài nguyên nước Khí tượng và khí hậu Thủy văn học	Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình thủy, Kỹ thuật cấp thoát nước, Công nghệ rau quả và cảnh quan, Kinh tế nông nghiệp, Khoa học đất, Nông học, Nông nghiệp	1. Bản đồ học và GIS, CN122, 2TC 2. Thống kê phép thí nghiệm môi trường, MT116, 2TC
40	Quản lý thủy sản	Quản lý thủy sản (Quản lý nguồn lợi thuỷ sản, Quản lý nghề cá) Khai thác thủy sản Nuôi trồng thủy sản	Bệnh học thủy sản, Nông học, Kinh tế nông nghiệp; Phát triển nông thôn, Quản lý môi trường, Sinh thái học, Chế biến thủy sản.	1. Sinh thái thủy sinh vật TS104, 2TC 2. Đánh giá và quản lý nguồn lợi thủy sản TS433, 2TC
41	Quản lý thủy sản Chuyên ngành: Biến đổi khí hậu và Quản lý tổng hợp thủy sản ven biển *(Chuyên ngành thuộc Dự án ODA Nhật Bản)*	Quản lý thủy sản (Quản lý nguồn lợi thủy sản, Quản lý nghề cá) Kinh tế thủy sản Nuôi trồng thủy sản Bệnh học thủy sản Khai thác thủy sản	Quản lý môi trường, Kinh tế nông nghiệp, Phát triển nông thôn, Quản lý tài nguyên nước.	1. Tài nguyên thủy sinh vật, TS111, 2TC 2. Nuôi trồng thủy sản, TS166, 2TC 3. Quản lý tổng hợp vùng ven biển, TS351, 2TC

TT	Ngành dự tuyển Thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BSKT	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC Bổ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC
42	Quản trị kinh doanh *(Định hướng nghiên cứu)*	Quản trị kinh doanh	Kinh tế, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Kinh tế gia đình, Kinh tế vận tải, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên Các ngành thuộc nhóm Kinh doanh, nhóm Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm, nhóm Kế toán – Kiểm toán, nhóm Quản trị - Quản lý.	1. Mô phỏng tình huống trong kinh doanh, KT207, 3TC
	Quản trị kinh doanh *(Định hướng ứng dụng)*	Quản trị kinh doanh	**Nhóm 1** Kinh tế, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Kinh tế gia đình, Kinh tế vận tải, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Các ngành thuộc nhóm Kinh doanh, nhóm Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm, nhóm Kế toán – Kiểm toán, nhóm Quản trị - Quản lý. **Nhóm 2** Các ngành thuộc nhóm Máy tính và công nghệ thông tin, nhóm Công nghệ kỹ thuật, nhóm Kỹ thuật, nhóm Kiến trúc và xây dựng.	**Nhóm 1** 1. Mô phỏng tình huống trong kinh doanh, KT207, 3TC **Nhóm 2** 1. Kinh tế vi mô 1, KT101, 3TC 2. Kinh tế vĩ mô 1, KT102, 3TC 3. Quản trị học, KT103, 3TC 4. Tài chính – Tiền tệ, KT111, 3TC
43	Sinh thái học	Sinh học Sư phạm sinh học	Công nghệ sinh học, Sinh học ứng dụng, Kỹ thuật sinh học, Khoa học môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường.	1. Sinh lý thực vật B, NN129, 2TC 2. Sinh lý động vật, SP414, 2 TC

TT	Ngành dự tuyển Thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BSKT	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC Bổ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC
44	Tài chính – Ngân hàng *(Định hướng nghiên cứu)*	Tài chính – Ngân hàng Bảo hiểm	- Kinh tế học (tất cả các ngành đào tạo) - Tâm lý học - Kinh doanh (tất cả các ngành đào tạo) - Kế toán – Kiểm toán (tất cả các ngành đào tạo) - Quản trị - Quản lý (tất cả các ngành đào tạo) - Toán ứng dụng - Toán tin - Thống kê - Quản lý công nghiệp - Kinh tế công nghiệp - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng - Kinh doanh nông nghiệp - Kinh tế nông nghiệp - Phát triển nông thôn - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Quản trị khách sạn - Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống - Kinh tế gia đình - Kinh tế vận tải	1. Kinh tế học ngân hàng, KT249, 3TC 2. Quản trị tài chính, KT308, 3TC

TT	Ngành dự tuyển Thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BSKT	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC Bổ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC
	Tài chính – Ngân hàng *(Định hướng ứng dụng)*	Tài chính – Ngân hàng Bảo hiểm	- Kinh tế học (tất cả các mã ngành đào tạo) - Quản lý nhà nước - Quan hệ quốc tế - Tâm lý học - Kinh doanh (tất cả các mã ngành đào tạo) - Kế toán – Kiểm toán (tất cả các ngành đào tạo) - Quản trị - Quản lý (tất cả các ngành đào tạo) - Toán ứng dụng - Toán tin - Thống kê - Quản lý công nghiệp - Kinh tế công nghiệp - Logistics và quản lý chuỗi cung ứng - Kinh tế xây dựng - Quản lý xây dựng - Kinh doanh nông nghiệp - Kinh tế nông nghiệp - Phát triển nông thôn - Quản lý thủy sản - Quản lý bệnh viện - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Quản trị khách sạn - Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống - Kinh tế gia đình - Kinh tế vận tải - Quản lý tài nguyên và môi trường (tất cả các ngành đào tạo)	1. Kinh tế học ngân hàng, KT249, 3TC 2. Quản trị tài chính, KT308, 3TC
45	Thú y	Thú y	- Chăn nuôi - Nông học - Bệnh học thuỷ sản - Nuôi trồng thủy sản - Công nghệ sinh học	1. Vi sinh thú y, NS295, 3 TC 2. Miễn dịch học, NS119, 3 TC

TT	Ngành dự tuyển Thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BSKT	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC Bổ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC
46	Toán giải tích	Toán học Toán ứng dụng Sư phạm Toán	- Toán tin - Toán cơ - Thống kê	1. Giải tích hàm, TN191, 3TC
47	Văn học Việt Nam	Tiếng Việt và Văn hoá Việt Nam Văn học Ngữ văn	- Sư phạm ngữ văn - Hán Nôm - Lý luận, lịch sử và phê bình sân khấu - Biên kịch sân khấu - Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình - Biên kịch điện ảnh, truyền hình - Sáng tác văn học - Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam - Ngôn ngữ học - Văn hóa học - Đông phương học - Việt Nam học - Báo chí - Truyền thông đa phương tiện - Quan hệ công chúng	1. Nguyên lý lý luận văn học, XN216, 3TC 2. Tác phẩm văn học và thể loại văn học, SP514, 3TC
48	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Vật lý học Sư phạm vật lý Vật lý kỹ thuật	- Thiên văn học - Khoa học vật liệu - Vật lý nguyên tử và hạt nhân	1. Cơ học lượng tử ứng dụng 1, TN268, 3TC hoặc Cơ học lượng tử 1, SP589, 3TC

TT	Ngành dự tuyển Thạc sĩ	Ngành đại học phù hợp KHÔNG HỌC BSKT	Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC Bổ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ	
			Tên ngành đại học	Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC
49	Vi sinh vật học	Sinh học	- Công nghệ sinh học - Kỹ thuật sinh học - Sinh học ứng dụng - Sư phạm sinh học - Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp - Sư phạm khoa học tự nhiên - Công nghệ thực phẩm - Kỹ thuật thực phẩm - Công nghệ sau thu hoạch - Công nghệ chế biến thủy sản - Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm - Nông nghiệp - Khuyến nông - Khoa học đất - Chăn nuôi - Nông học - Khoa học cây trồng - Bảo vệ thực vật - Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan - Nuôi trồng thủy sản - Bệnh học thủy sản - Khoa học thủy sản - Thú y	1. Virus học đại cương, CS108, 2TC 2. Phương pháp phân tích vi sinh vật, CS118, 2TC

Cần Thơ ngày 20 tháng 11 năm 2023

KT. **HIỆU TRƯỞNG**

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Trần Trung Tính